TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
*Số: **54**/2025/HNGĐ-ST* *Ngày: 25/7/2025.* *V/v: Xin ly hôn.*	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Anh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thuyên;
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hạnh Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Hường **-** Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 338/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội) về việc "*Xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2025/QĐXX-ST ngày 30/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Ngọc Á, sinh năm 1992. Nơi thường trú: TDP số A, phường M, quận N, thành phố H (nay là phường T, thành phố H). Địa chỉ hiện tại: CH A2302, toà CT1A, khu chung cư V, TDP số A, phường M, quận N, thành phố H (nay là phường T, thành phố H).

- Bị đơn: Anh Vũ Đức Đ, sinh năm 1990; Nơi thường trú: TDP số A, phường M, quận N, thành phố H (nay là phường T, thành phố H); Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an H1.

Chị Á có mặt, anh Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại bản tự khai, chị Á trình bày: Tôi và anh Vũ Đ1 Đoàn kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký vào ngày 04/04/2016 tại UBND phường C, thành phố C, tỉnh Q (nay là phường Q, tỉnh Q).

Sau khi kết hôn, tôi và anh Vũ Đức Đ chung sống tại CH A, toà CT1A, khu chung cư V, TDP số A, phường M, quận N, thành phố H (nay là

phường T, thành phố H). Chúng tôi chung sống hạnh phúc từ tháng 04/2016 đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn và tôi thường xuyên bị anh Vũ Đức Đ đánh đập, bạo lực gia đình. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn: Vợ chồng tôi thường xuyên bất đồng quan điểm nuôi dạy con cái, bất đồng quan điểm sống, nhiều lần xảy ra cãi vã.

Do cuộc sống vợ chồng quá căng thẳng, tôi đã ly thân với chồng từ năm 2022 đến nay, hai vợ chồng tôi cũng không còn liên lạc và quan tâm tới cuộc sống của nhau. Hiện nay, anh Vũ Đức Đ đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố H1 khởi tố và bắt tạm giam tại Trại tạm giam số 1 về tội "Đe dọa giết người" theo quy định tại Khoản 2 Điều 133 Bộ Luật hình sự năm 2015, tôi – Phạm Ngọc Á là bị hại. Tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Tôi và anh Vũ Đức Đ có 02 người con chung là Vũ Ngọc D (sinh năm 2016) và Vũ Đức Đ2 (sinh năm 2022). Tôi có công việc ổn định tại Công ty Cổ phần T, mức thu nhập hàng tháng của tôi là 30 triệu đồng/tháng (được chứng minh tại Đơn xác nhận thu nhập được tôi gửi đến Tòa án), đủ điều kiện để nuôi 2 người con của tôi theo quy định pháp luật. Đề nghị giao cả 2 con cho tôi nuôi, tôi không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Quý Tòa giải quyết.

Theo Biên bản ghi lời khai trong hồ sơ vụ án, anh Đ trình bày: Tôi và chị Phạm Ngọc Á kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký tại UBND phường C, thành phố C, tỉnh Q (nay là phường Q, tỉnh Q) ngày 04/4/2016. Trong quá trình chung sống, chúng tôi sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ sinh hoạt gia đình giữa hai bên nội ngoại. Tôi đã chuyển ra khỏi nhà từ năm 2023, tuy nhiên hai vợ chồng vẫn gặp gỡ, đưa đón con, ăn uống. Đến năm 2025 (khoảng tháng 2/2025) do mâu thuẫn về việc nuôi con nên tôi và chị Á có xảy ra xô xát, khiến tôi bị khởi tố về tội "Đe dọa giết người" và bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố H1. Nay chị Á xin ly hôn, tôi không đồng ý ly hôn với chị Á.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Vũ Ngọc D sinh năm 2016 và cháu Vũ Đức Đ2 sinh năm 2022. Hiện nay hai cháu đang ở với mẹ. Do hiện nay tôi đang bị tạm giam nên đồng ý để chị Á nuôi 02 con và không cấp dưỡng nuôi con. Sau này nếu có yêu cầu thay đổi quyền nuôi con, tôi sẽ làm đơn yêu cầu sau.

Về tài sản chung, vay nợ chung: tự thỏa thuận.

Hiện tại tôi đang bị tạm giam theo quyết định tạm giam của Tòa án do vậy tôi xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án và vắng mặt tại phiên hòa giải tại Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn – chị Á trình bày: Chị Á giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Đ. Về con chung: Chị Á có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là D và cháu Đ2. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Á không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Bị đơn – anh Đ vắng mặt tại phiên tòa, đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội phát biểu ý kiến: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Ngọc Á và anh Vũ Đức Đ có mâu thuẫn trầm trọng, năm 2022 chị Á đã ra ngoài sống ly thân anh Đ, quan hệ vợ chồng trên thực tế không được duy trì, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị xử cho chị Á được ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Chị Á có nơi cư trú ổn định, hiện đang thường trú tại CH A2302 tòa CT1A, TDP số A, phường T, thành phố H, cùng cháu D và cháu Đ2, có thu nhập ổn định (hợp đồng không xác định thời hạn với Công ty Cổ phần T, mức lương: 30.000.000 đồng/ tháng) nên đề nghị giao cháu Vũ Ngọc D và cháu Vũ Đức Đ2 cho chị Á trực tiếp nuôi dạy, anh Đ không cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Án phí: Ngày 23/6/2025, chị Á đã nộp tiền tạm ứng án phí đến Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo biên lai số 0028646 với mức tạm ứng là 300.000 đồng, đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự và quy định tại điểm a khoản 4 Điều 7 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của chị Phạm Ngọc Á đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Á yêu cầu xin ly hôn với anh Vũ Đức Đ có địa chỉ nơi thường trú: TDP số A, phường M, quận N, thành phố H (nay là phường T,

thành phố H); Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an H1 là đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu " *Xin ly hôn*" của chị Á đối với anh Đ, Hội đồng xét xử thấy:

Chị Á và anh Đoàn kết H với nhau ngày 04/4/2016 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký tại phường C, thành phố C, tỉnh Q (nay là phường Q, tỉnh Q). Hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo chị Á trình bày: Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, nhiều lần xảy ra cãi vã. Chị Á thường xuyên bị anh Đ đánh đập, bạo lực gia đình. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ năm 2022 đến nay, không quan tâm tới cuộc sống của nhau. Hiện nay, anh Đ đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố H1 khởi tố và bắt tạm giam tại Trại tạm giam số 1 về tội "Đe dọa giết người" theo quy định tại Khoản 2 Điều 133 Bộ Luật hình sự năm 2015, chị Á là bị hại. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Đ và vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Anh Đ có công nhận vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh Đ đã chuyển ra khỏi nhà từ năm 2023 đến nay. Đến khoảng tháng 2/2025, do mâu thuẫn về việc nuôi con nên anh chị có xảy ra xô xát, khiến anh Đ bị khởi tố về tội "Đe dọa giết người" mà chị Á là bị hại. Hiện anh Đ đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố H1. Nay chị Á có đơn xin ly hôn thì anh Đ không đồng ý.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn và hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được".

Xét mâu thuẫn giữa chị Á và anh Đ, HĐXX nhận thấy: Cả chị Á và anh Đ đều xác định vợ chồng anh chị có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Anh chị đã ly thân từ năm 2022 đến nay. Khoảng tháng 2/2025, do mâu thuẫn chị Á và anh Đ có xảy ra xô xát, anh Đ đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố H1 khởi tố và bắt tạm giam tại Trại tạm giam số 1 về tội "Đe dọa giết người" theo quy định tại Khoản 2 Điều 133 Bộ Luật hình sự năm 2015, mà chị Á là bị hại. Chị Á xác định không còn tình cảm

với anh Đ.

Xét thấy mâu thuẫn anh chị đã đến mức độ trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Đ có hành vi bạo lực gia đình vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng. Việc chị Á đề nghị được ly hôn với anh Đ là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Vũ Ngọc D, sinh ngày 24/12/2016 và cháu Vũ Đức Đ2, sinh ngày 10/02/2022. Chị Á có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả 02 con chung, anh Đ đồng ý. Xét thấy: chị Á hiện có thu nhập và chỗ ở ổn định. Anh Đ hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam số 1 – Công an thành phố H1. Cháu D đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Á. Do đó, việc giao cháu D và cháu Đ2 cho chị Á trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của các cháu và không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của các cháu, cần được chấp nhận.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] *Về án phí:* Chị Á phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình;
- Khoản 4, Điều 147; khoản 3, Điều 228 và các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu "*Xin ly hôn*" của chị Phạm Ngọc Á đối với anh Vũ Đức Đ. Cho chị Á ly hôn với anh Đ.

2/ Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Vũ Ngọc D, sinh ngày 24/12/2016 và cháu Vũ Đức Đ2, sinh ngày 10/02/2022. Giao cháu D và cháu Đ2 cho chị Phạm Ngọc Á trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn cho đến khi có sự thay đổi, thỏa thuận khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh Vũ Đức Đ cho đến khi chị Á có yêu cầu hoặc có sự thay đổi, thoả thuận khác.

Anh Vũ Đức Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3/ Tài sản chung, vay nợ chung: Anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Á phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai Ký hiệu: BLTU/23 số 0028646 ngày 23/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 – Hà Nội). Chị Á đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Á có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đỗ Thúy Anh.

Nơi nhận :
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND Khu vực 4 – Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 4;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- UBND phường C, thành phố C, tỉnh Q (nay là phường Q, tỉnh Q) (Sổ hộ tịch số 25 ngày 04/4/2016);
- Lưu văn phòng.